

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý Cổ đông công ty.

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC BÌNH ĐỊNH**
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 557-559, đường Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định
- Điện thoại: 056-3822456 Fax: 056-3825242
- E-mail: bidifood_kd@bidifood.vn Website: www.bidifood.vn

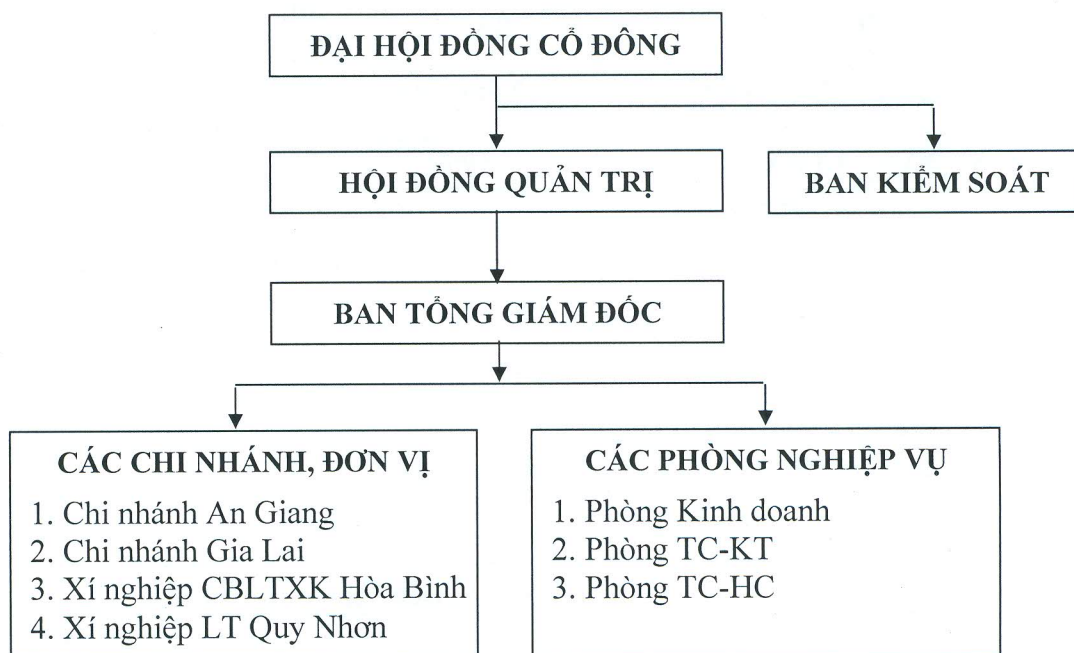
- Quá trình hình thành và phát triển:

- Thành lập năm 1975, trực thuộc UBND tỉnh Bình Định
- Năm 1995, là thành viên trực thuộc Tổng Công ty Lương thực miền Nam
- Năm 2005, chuyển sang mô hình hoạt động Công ty TNHH Nhà nước một thành viên, đổi tên gọi là Công ty TNHH Lương thực Bình Định
- Năm 2008, chuyển sang mô hình hoạt động Công ty cổ phần do Nhà nước giữ 51% vốn điều lệ, đổi tên gọi là Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Kinh doanh, chế biến mặt hàng lương thực và nông sản phục vụ cho xuất khẩu và nội địa

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



- Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu, cổ đông, người lao động, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị được giao.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro đặc thù ngành như thu hoạch theo mùa vụ chịu ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh ..

- Xuất khẩu gạo là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

II. Tình hình hoạt động trong năm:**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:****KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% So KH	% So 2018
1	Mua vào	Tấn				
	- Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	62.000	69.851	112,66	103,11
	- Sắn lát	Tấn		1.022		25,05
2	Bán ra					
	- Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	55.000	73.077	132,87	122,66
	- Sắn lát	Tấn		311		8,53
3	Doanh thu	Tỷ đ	620,00	741,34	119,57	117,60
4	Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD	25,58	28,15	110,05	115,89
5	Nộp ngân sách	Tỷ đ		2,08		46,65
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	12,00	5,01	41,74	41,50
7	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	30,00	12,52	41,74	41,50

2. Tổ chức và nhân sự:

- Ban điều hành: 03 người

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	
				Số lượng	Tỷ lệ %
1	Ông Phạm Văn Nam	1959	Tổng giám đốc	33.200	0,830
2	Ông Nguyễn Phan Quang	1967	Phó TGD	117.400	2,935
3	Bà Võ Hoàng Yến	1969	Kế toán trưởng	59.200	1,480

- Người lao động: 65 người

3. Tình hình đầu tư, hình thức thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

b. Công ty con, Công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	12,75	2,48

Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	6,16	0,31
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,048	0,29
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,41
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,06	5,45
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4,5	2,81
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	0,0054	0,016
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	0,050	0,063
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	0,048	0,044
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,007	0,018

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 4.000.000 (mệnh giá: 10.000 đồng)
- Trong đó: cổ phần phổ thông: 4.000.000
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.960.000

b. Cơ cấu cổ đông:

TT	Phân loại cổ đông	Số cổ đông	Cổ phần sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %
I	Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ			
1	Cổ đông lớn (từ 5% trở lên)	01	2.040.000	51,00
2	Cổ đông nhỏ	181	1.960.000	49,00
II	Cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân			
1	Cổ đông tổ chức	03	2.070.500	51,76
2	Cổ đông cá nhân	179	1.929.500	48,24
III	Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác			
1	Cổ đông Nhà nước	01	2.040.000	51,00
2	Cổ đông khác	181	1.960.000	49,00
IV	Cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài			
1	Cổ đông trong nước	181	3.995.700	99,89
2	Cổ đông nước ngoài	01	4.300	0,11

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác:

III. Đánh giá của Ban giám đốc:

1- Hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục phát triển và mang tính bền vững, đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu, cổ đông, người lao động, thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế, chính trị được giao. Đời sống người lao động được nâng cao, chính sách phúc lợi tốt, các chế độ quyền lợi được thực hiện đúng quy định.

2. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.667.152.391	160.434.640.918
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.609.151.468	6.085.255.541
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.183.251.336	13.563.905.556
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	52.500.518.087	140.063.704.109
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		374.231.500	721.775.712
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.335.747.452	62.417.267.233
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		92.400.000	92.400.000
II. Tài sản cố định	220		55.146.757.888	56.555.813.855
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	2.552.618.850	1.922.679.720
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	14.102.287	14.102.287
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.529.868.427	3.832.271.371
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		164.002.899.843	222.851.908.151
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.975.759.738	64.759.891.447
I. Nợ ngắn hạn	310		7.975.759.738	64.759.891.447
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		156.027.140.105	158.092.016.704
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	156.027.140.105	158.092.016.704
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		164.002.899.843	222.851.908.151

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa.
- Hoàn thiện các Quy chế quản lý trong Công ty, công tác giáo dục CB-CNV được chú trọng
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát huy sự ủng hộ, đồng thuận của đại hội đồng cổ đông

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Mở rộng thị trường kinh doanh, đa dạng hóa mặt hàng, ngành nghề, từng bước đầu tư sang một số ngành nghề khác trong lĩnh vực nông nghiệp

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Hiệu quả kinh doanh cao, hoàn thành 1 số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra
- Công tác quản lý tài chính tốt, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện theo đúng chế độ, chính sách quy định của Nhà nước.

- Công tác Đảng, đoàn thể được thực hiện tốt. Người lao động có việc làm đầy đủ, thu nhập cao, chế độ chính sách được thực hiện đúng và cao hơn luật.

- Quyền lợi của cổ đông được đảm bảo, tỷ lệ chi trả cổ tức hợp lý, đảm bảo hài hòa lợi ích của chủ sở hữu, cổ đông và người lao động,

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực điều hành của Ban Tổng giám đốc Công ty, đã có những giải pháp điều hành đúng đắn, kịp thời. Trong bối cảnh kinh tế cực kỳ khó khăn vẫn duy trì được tốc độ phát triển, kết quả sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, các mặt công tác khác đều thực hiện tốt

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tiếp tục định hướng Công ty theo sát thị trường, mở rộng thị trường kinh doanh, đa dạng hóa mặt hàng, ngành nghề.

- Đảm bảo việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập

- Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	
				Số lượng	Tỷ lệ %
1	Ông Hà Thanh Đính	1963	Chủ tịch	21.000	0,525
2	Ông Phạm Văn Nam	1959	Ủy viên	33.200	0,830
3	Ông Nguyễn Phan Quang	1967	Ủy viên	117.400	2,935
4	Bà Võ Hoàng Yến	1969	Ủy viên	59.200	1,480

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển công ty theo từng giai đoạn. Định kỳ mỗi quý họp 1 lần, các phiên họp có sự tham gia đầy đủ của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và đại diện Ban kiểm soát. Tại từng phiên họp, Hội đồng quản trị đã xem xét kiểm điểm, đánh giá và có những quyết định chỉ đạo sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế, phù hợp với chiến lược phát triển của công ty. Ngoài ra, các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- Hội đồng quản trị công ty thực hiện tốt vai trò quản trị và giám sát toàn diện công tác điều hành của Ban giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

e. Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (không thành lập)

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	
				Số lượng	Tỷ lệ %
1	Bà Tô Thị Mỹ Hòa	1983	Trưởng ban	2.000	0,050
2	Ông Trần Anh Vương	1980	Ủy viên	10.320	0,258
3	Ông Nguyễn Quốc Phương	1984	Ủy viên	0	0

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát được tạo điều kiện cử đại diện tham dự các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty và đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

- Hàng năm, Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Thù lao HĐQT, BKS

- Ủy viên HĐQT 4.000.000 đ/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát 3.000.000 đ/tháng
- Ủy viên Ban kiểm soát 2.000.000 đ/tháng

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của Nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính:

- Ý kiến kiểm toán/báo cáo tài chính kiểm toán:

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

Toàn văn đăng tải tại trang thông tin điện tử: www.bidifood.vn, chuyên mục Cổ đông

XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Phạm Văn Nam